

Số *15* /2018/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *20* tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12

năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 88/TTr-SKHĐT ngày 05 tháng 9 năm 2018,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

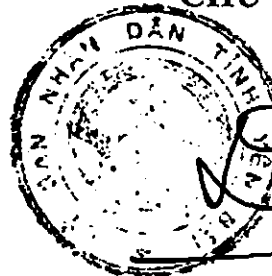
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, XD, TH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Đỗ Đức Duy

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9
năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
- Những nội dung khác về quản lý đầu tư và xây dựng không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Chương II

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 3. Chủ đầu tư

- Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực được thành lập theo quy định tại Điều 63 Luật Xây dựng năm 2014 hoặc cơ quan, tổ chức được giao quản lý dự án đầu tư công, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng.
- Dự án quốc phòng, an ninh: Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.
- Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): Chủ đầu tư là Nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng.

Điều 4. Hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thực hiện quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

Trường hợp Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực không đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số nội dung công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng thì được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện.

2. Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, đơn vị không đủ điều kiện để tổ chức quản lý dự án thì được thuê Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án để quản lý thực hiện dự án quy mô nhóm A có công trình xây dựng cấp đặc biệt, dự án có áp dụng công nghệ cao được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận bằng văn bản, dự án khác về quốc phòng, an ninh có yêu cầu bí mật nhà nước.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật; được phép thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ quản lý dự án của mình.

4. Chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện.

Cá nhân tham gia quản lý dự án làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận. Chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để giám sát thi công và tham gia nghiệm thu hạng mục, công trình hoàn thành. Chi phí thực hiện dự án phải được hạch toán riêng theo quy định của pháp luật.

5. Người quyết định đầu tư quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án, bảo đảm thực hiện mục tiêu đầu tư, hiệu quả dự án được duyệt.

6. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, việc tổ chức quản lý dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công

1. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (dự án nhóm A), báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, nhóm C) đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công (không bao gồm dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương cấp huyện, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, bảo đảm các quy định của Luật Đầu tư công và không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã, bảo đảm các quy định của Luật Đầu tư công và không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư:

a) Thẩm định nội bộ là thẩm định sơ bộ để hoàn thiện hồ sơ, báo cáo trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc Hội đồng thẩm định để thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn làm căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Thẩm định nội bộ bao gồm thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

3. Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm A:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định nội bộ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm A;

- Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 của Luật Đầu tư công.

b) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của ngành mình. Đối với các dự án do cấp huyện, xã trực tiếp quản lý, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã chủ trì, thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cấp huyện, cấp xã trước khi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm C.

c) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ ngân sách cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Trường hợp dự án có nội dung liên quan về quy hoạch, các công trình hiện có và kỹ thuật chuyên ngành thuộc các sở, ngành cấp tỉnh quản lý, Hội đồng thẩm định lấy ý kiến bằng văn bản của sở, ngành quản lý về nội dung liên quan;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C.

d) Đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do địa phương quản lý:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nội bộ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các nội dung thuộc thẩm quyền quản lý của ngành mình;

- Đối với các dự án do cấp huyện, xã trực tiếp quản lý, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã chủ trì thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cấp huyện, cấp xã trước khi gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật Đầu tư công.

đ) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

e) Đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Luật Đầu tư công.

Điều 6. Quyết định danh mục chuẩn bị dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách địa phương

1. Dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách địa phương không phải lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh mục chuẩn bị dự án.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu đầu tư lập tờ trình đề nghị quyết định danh mục chuẩn bị dự án, các nội dung đề xuất đầu tư xây dựng gửi đến Sở Tài chính (đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh) hoặc phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) để chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành và các cơ quan có liên quan thẩm định đề xuất đầu tư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) xem xét, quyết định danh mục chuẩn bị dự án.

3. Nội dung đề xuất đầu tư xây dựng kèm theo tờ trình đề nghị quyết định danh mục chuẩn bị dự án, gồm: sự cần thiết phải đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch; mục tiêu, dự kiến quy mô, địa điểm thực hiện; dự kiến tổng mức đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện; dự kiến phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có).

Điều 7. Thẩm định dự án đối với dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự án nhóm A: Do Hội đồng thẩm định của tỉnh tổ chức thẩm định; Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và là Thường trực Hội đồng thẩm định dự án.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định dự án.

2. Đối với các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định dự án.

3. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định dự án.

4. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã:

- Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã tổ chức thẩm định dự án;

- Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập với tên gọi là Ban quản lý đầu tư công; trường hợp cơ quan chuyên môn về đầu tư công cấp xã là lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã kiêm nhiệm, các thành viên khác là công chức xã kiêm nhiệm.

5. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định.

6. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trực thuộc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Việc tổ chức thẩm định dự án áp dụng theo quy định đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc trực thuộc các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: Việc tổ chức thẩm định dự án áp dụng theo quy định đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 8. Thẩm định dự án đối với các dự án có cấu phần xây dựng

1. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Các trường hợp còn lại, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 5 tỷ đồng.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện) chủ trì tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014; có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án. Trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu, hồ chứa nước, đập đầu mỗi thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán theo quy định tại Khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014. Trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu, hồ chứa nước, đập đầu mối thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 5 tỷ đồng.

3. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Ban quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu, hồ chứa nước, đập đầu mối thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây

dựng công trình. Ban quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với các dự án quy mô từ nhóm B trở xuống; Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có) và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014. Ban quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Trường hợp báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình có hạng mục công trình cấp II, công trình cầu, hồ chứa nước, đập đầu mối thì Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Ban quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì thẩm định dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 5 tỷ đồng. Ban quản lý đầu tư công cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án.

4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định.

5. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trực thuộc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Việc tổ chức thẩm định dự án áp dụng theo quy định đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc trực thuộc các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: Việc tổ chức thẩm định dự án áp dụng theo quy định đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư:

a) Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Đầu tư công.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, căn cứ vào mức vốn hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách được phê duyệt tại quyết định chủ trương đầu tư dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách có mức hỗ trợ dưới 5 tỷ đồng do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện hoặc đơn vị cấp dưới trực tiếp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

2. Đối với dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ ngân sách nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh có tính chất đầu tư (trừ các dự án quy định tại Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản này).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh có tính chất đầu tư với mức vốn dưới 5 tỷ đồng do đơn vị cấp dưới trực tiếp làm chủ đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách huyện có tính chất đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Đối với công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất (không bao gồm xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có):

- Trường hợp công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình căn cứ dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất được cấp thẩm quyền giao để quyết định việc sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất với các nội dung sau: tên công trình, mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, sự cần thiết, lý do thực hiện, khối lượng công việc, dự toán công trình, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc;

- Trường hợp công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình căn cứ danh mục chuẩn bị dự án được cấp thẩm quyền quyết

định theo quy định tại Điều 6 Quy định này để tổ chức lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

3. Đối với dự án sử dụng vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư tự quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng với mức vốn dưới 5 tỷ đồng.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng với mức vốn dưới 1 tỷ đồng.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với các trường hợp còn lại sử dụng từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án

1. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

c) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Ban quản lý đầu tư công cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán đầu tư của dự án.

d) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Giám đốc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định.

đ) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trực thuộc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Việc tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án áp dụng theo quy định đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc trực thuộc các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: Việc tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án áp dụng theo quy định đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Thẩm định thiết kế, dự toán: thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b) Phê duyệt thiết kế, dự toán: thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 24, Khoản 2, Điều 25, Khoản 2 Điều 26 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.

3. Điều chỉnh thiết kế, dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư quyết định điều chỉnh thiết kế xây dựng khi có thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, công năng sử dụng, địa điểm xây dựng, địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực chính (trừ các trường hợp điều chỉnh làm tăng tính an toàn công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình trong trường hợp việc điều chỉnh dự toán dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

b) Việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Ủy quyền cho Chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với tất cả các dự án (trừ các trường hợp được quy định tại Điểm a Khoản này).

c) Chủ đầu tư tự quyết định điều chỉnh thiết kế xây dựng đối với các trường hợp khác, trừ các trường hợp được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

Điều 11. Quản lý, thực hiện đầu tư đối với dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước

1. Đối với các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước do các cơ quan cấp tỉnh hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, quản lý.

Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này áp dụng đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh.

2. Đối với các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước do các cơ quan cấp huyện hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, quản lý.

Việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này áp dụng đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán: Thực hiện theo quy định hiện hành, áp dụng với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Điều 12. Điều chỉnh dự án

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án quy định tại Điều 9 Quy định này được quyền quyết định điều chỉnh dự án trong các trường hợp quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư công năm 2014 và Điều 61 của Luật Xây dựng năm 2014.

2. Chủ đầu tư dự án phải thực hiện trình tự, nội dung lập, thẩm định nội bộ việc điều chỉnh theo quy định tại Điều 34 của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ; đồng thời phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến việc điều chỉnh dự án để trình cấp thẩm quyền xem xét, thẩm định.

3. Việc thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Quy định này.

a) Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nội dung đầu tư hoặc tăng quy mô làm tăng tổng mức đầu tư so với quy định tại quyết định chủ trương đầu tư phải báo cáo người quyết định chủ trương đầu tư cho ý kiến điều chỉnh và phải thẩm định lại nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án.

b) Trường hợp thay đổi nội dung đầu tư (không bao gồm thay đổi cơ cấu nguồn vốn) hoặc điều chỉnh tăng quy mô nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư và vẫn bảo đảm mục tiêu của dự án như trong quyết định chủ trương đầu tư thì không phải thẩm định lại nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

c) Đối với các dự án đã được bố trí vốn kết thúc trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, chỉ được xem xét, điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư khi chủ đầu tư xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có thể huy động ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao cho dự án, đồng thời cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định và khẳng định tính khả thi của khả năng cân đối, huy động nguồn vốn ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đề xuất của chủ đầu tư.

Điều 13. Phân cấp về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình cấp III, IV thuộc trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 14. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp tỉnh quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp huyện quản lý.

b) Đối với dự án còn lại:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư và các dự án ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trực thuộc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng; các dự án ủy quyền cho Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư; các dự án ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trực thuộc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư (bao gồm cả các dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư) và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoặc trực thuộc các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện quản lý quyết định đầu tư;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án, dự án thành phần, công trình, hạng mục công trình hoàn thành thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính tổ chức thẩm tra.

b) Đối với các dự án, dự án thành phần, công trình, hạng mục công trình hoàn thành thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp huyện, cấp xã: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra.

3. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành:

a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

b) Các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Chương III **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ**

Điều 15. Giám sát dự án đầu tư công

1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án; cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, chủ đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Các nội dung về giám sát dự án đầu tư công của từng cơ quan và người có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 13, 14, 15, 17 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 16. Đánh giá dự án đầu tư công

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 18 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

2. Nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 81 của Luật Đầu tư công năm 2014.

Điều 17. Chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 68 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

2. Thời hạn và nội dung báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 3, 5, 7, 8 Điều 69 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

3. Các cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư phải bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 71 của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cấp trên trực tiếp của người quyết định đầu tư quyết định dừng khởi công hoặc dừng triển khai đối với các dự án phê duyệt không bảo đảm về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; dự án thực hiện làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; dự án không thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2014 và Luật Xây dựng năm 2014.

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án có các thủ tục đã được cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì các thủ tục đã được thẩm định, quyết định không phải thực hiện lại. Các công việc tiếp theo được thực hiện theo Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

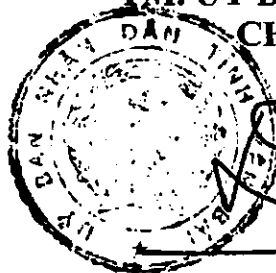
Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý của mình kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc yêu cầu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, các ngành, các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *uyj*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
DÂN CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Duy